

Số: 10/2021/TT-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021

THÔNG TƯ
Hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; quản lý việc tập sự hành nghề luật sư và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; xử lý kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người tập sự hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là người tập sự), luật sư hướng dẫn tập sự, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư, cá nhân, tổ chức có liên quan.

Chương II

TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 3. Người tập sự hành nghề luật sư

1. Người đáp ứng các điều kiện sau đây thì được đăng ký tập sự hành nghề luật sư:

a) Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật;

c) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam hoặc Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được miễn đào tạo nghề luật sư nhưng thuộc trường hợp phải tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Luật sư.

2. Người đang tập sự hành nghề luật sư mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì phải chấm dứt tập sự và không được công nhận thời gian đã tập sự. Người đã hoàn thành thời gian tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì không được công nhận thời gian đã tập sự.

Điều 4. Nhận tập sự hành nghề luật sư

1. Người muốn tập sự hành nghề luật sư lựa chọn và thoả thuận với một tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự cử luật sư hướng dẫn và gửi Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự và Đoàn Luật sư ở địa phương nơi đặt trụ sở.

2. Trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thoả thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì có thể đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm phân công một luật sư thành viên của Đoàn là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận người đó vào tập sự. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư được phân công mà từ chối nhận tập sự khi không có lý do chính đáng thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Thông tư này.

3. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự bao gồm:

a) Văn phòng luật sư, công ty luật; chi nhánh của văn phòng luật sư, công ty luật;

b) Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 5. Đăng ký tập sự hành nghề luật sư

1. Người đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

2. Hồ sơ đăng ký tập sự gồm có:

a) Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề luật sư theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự;

c) Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

d) Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam hoặc bản sao Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc bản sao giấy tờ chứng minh được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ghi tên người tập sự vào danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư và cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của Thông tư này.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gửi văn bản thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

Điều 6. Nội dung tập sự hành nghề luật sư

1. Pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

2. Kỹ năng nghiên cứu, thu thập tài liệu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ vụ việc.

3. Kỹ năng tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.

4. Kỹ năng tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

5. Kỹ năng tư vấn pháp luật.

6. Kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật.

7. Kỹ năng thực hiện dịch vụ pháp lý khác.

Điều 7. Nhật ký tập sự, báo cáo quá trình tập sự

1. Người tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo mẫu quy định tại Thông tư này để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận của luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.

2. Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư, người tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo mẫu quy định tại Thông tư này cho Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự. Báo cáo quá trình tập sự phải có nhận xét, chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và đánh giá của Đoàn Luật sư về tư cách đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật của người tập sự.

Điều 8. Luật sư hướng dẫn tập sự

1. Luật sư Việt Nam đang hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề, có uy tín, không trong thời gian bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Luật sư hướng dẫn bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt mới được hướng dẫn tập sự. Trong cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá 03 người tập sự.

2. Luật sư phải từ chối hướng dẫn tập sự khi không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phát hiện người tập sự không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

Trong quá trình tập sự, luật sư hướng dẫn từ chối tiếp tục hướng dẫn tập sự khi người tập sự không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này hoặc bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 33 của Thông tư này.

Khi từ chối hướng dẫn người tập sự, luật sư hướng dẫn có trách nhiệm thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự phân công luật sư khác trong tổ chức mình hướng dẫn người tập sự trong trường hợp luật sư hướng dẫn không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Luật sư hướng dẫn bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ các điều kiện hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn theo quy định của Thông tư này;

c) Bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;

d) Bị chết hoặc vì lý do sức khỏe hoặc lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Khi thay đổi luật sư hướng dẫn thì tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự phân công luật sư khác trong tổ chức mình tiếp tục hướng dẫn người tập sự và gửi văn bản thông báo cho Đoàn Luật sư.

4. Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Luật sư hoặc không còn luật sư khác đủ điều kiện hướng dẫn thì người tập sự có thể đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư khác để tập sự. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm phân công một luật sư thành viên khác của Đoàn Luật sư là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư tiếp nhận người đó vào tập sự. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư được phân công mà từ chối tiếp nhận tập sự khi không có lý do chính đáng thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Thông tư này.

Trong trường hợp người tập sự tự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề luật sư khác để tiếp tục tập sự thì việc nhận tập sự thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

Điều 9. Thay đổi nơi tập sự hành nghề luật sư

1. Người tập sự hành nghề luật sư thay đổi nơi tập sự khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

2. Người tập sự thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề luật sư này sang tổ chức hành nghề luật sư khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phải báo cáo bằng văn bản về việc thay đổi đó cho Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự. Báo cáo phải có nhận xét và chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi đã tập sự và tổ chức hành nghề luật sư nơi chuyển đến.

Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì phải có văn bản đề nghị rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư nơi đã đăng ký; đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư mà mình chuyển đến kèm theo báo cáo quá trình tập sự.